dài cì

带刺

adjective · thorny, prickly (literal or figurative)

Example Sentences

tā shuō huà dài cì ràng rén hěn bù shū fú
他 说 话 带刺， 让 人 很 不 舒 服。

His words are prickly, making people very uncomfortable.

méi guī dài cì xiǎo xīn zhā shǒu
玫 瑰 带 刺， 小 心 扎 手 。

Roses have thorns, be careful not to prick your hand.

Trace each character, then write the word on your own.

带 带 带 带 带 带 带 带 带 带 带

带

刺 刺 刺 刺 刺 刺 刺 刺 刺 刺 刺